TÒA ÁN NHÂN NHÂN TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 331/2018/DS-PT
Ngày: 11/10/2018
V/v tranh chấp: "Đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu mở lối đi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**

Các Thẩm phán: Bà **Lưu Thị Thu Thủy**

Ông **Nguyễn Xuân Tuấn**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Đỗ Thị Tuyết Hạnh** -Thư ký Tòa án tỉnh Tiền Giang

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang***: Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 08 và ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2018/TLPT-DS ngày 13 tháng 09 năm 2018 về việc tranh chấp "Đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu mở lối đi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 74/2018/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 278/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Thành C**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn VL, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Xuân L,** sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: ấp DQ, xã PT, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1947; (có mặt)

Địa chỉ: ấp DQ, xã PT, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1980; (có mặt)

3.2. Bà **Bùi Thị Ngọc B,** sinh năm 1982; (xin vắng mặt)

3.3. Ông **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1976;

3.4. Bà **Đặng Thị Kim H**, sinh năm 1980;

3.5. Bà **Đỗ Thị C**, sinh năm 1950;

3.6. Anh **Nguyễn Khoa N**, sinh năm 1998; (xin vắng mặt)

3.7. Bà **Nguyễn Thị Xuân L,** sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: ấp DQ, xã PT, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của ông T, bà H, bà C: ông **Nguyễn Văn K,** sinh năm 1947.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn **Phạm Thành C** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thị Xuân L**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

** Nguyên đơn Phạm Thành C trình bày:*

Từ trước đến nay hộ gia đình ông K đi tạm trên đất của ông và hộ ông Lê Văn Hoàng A liền kề với đất ông thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.430m^2 đất lúa quyền sử dụng đất số 00014 được Ủy ban nhân dân huyện GCĐ cấp ngày 30/12/1996 do ông đứng tên tọa lạc tại ấp DQ, xã PT, huyện GCĐ (năm 2003 ông có chuyển mục đích sử dụng đất lúa sang đất thổ cư diện tích 300m^2), phần còn lại diện tích 1.130m^2 ông lên nền trồng hoa màu và cây lâu năm. Năm 2016 hộ ông A rào lại chỉ còn lại 0.5m đất bên ông, hộ ông K đi không được nên lấn qua đất ông khoảng 1m nữa. Hiện nay ông có nhu cầu xây hàng rào nên có nói với ong K là di dời lối đi này sang lối đi mới cũng trên đất của ông cùng đi với gia đình ông hướng bờ kinh (phía Tây) là ngang 1m, dài 89m, diện tích 89m^2, ông K không đồng ý mà vẫn tiếp tục lấn chiếm làm lối đi. Nay ông yêu cầu buộc hộ ông K trả lại ông phần đất lấn chiếm ngang 1.5m, dài 89m, diện tích 133.5m^2 đất lúa (nay đã lên nền) thuộc thửa số 110, quyền sử dụng đất số 00014 m^2 đất lúa (nay đã lên nền) thuộc thửa số 110, quyền sử dụng đất số 00014 do ông đứng tên tọa lạc tại ấp DQ, xã PT, huyện GCĐ.

** Bị đơn bà Nguyễn Văn K trình bày:*

Hiện tại ông đang canh tác phần đất thửa 1132, diện tích 1.870m^2 để qua phần đất này ông phải đi qua phần đất thửa số 110 của ông C. Hiện lối đi này nằm hướng Đông thửa 110, ngang 06-07 tấc dài khoảng 89m. Ngoài lối đi này thì không còn lối đi nào khác để vào nhà của ông. Hiện lối đi này nằm trên thửa đất 110 của ông C. Nay ông C mở lối đi phía Tây phần đất giáp kênh Sườn ngang 01m dài hết đất là đến đầu kênh qua 03-04m để ông làm cầu thì ông đồng ý nhưng bề ngang lối đi khoảng 1.5m và đến cuối đất phải tránh đầu kênh để ông làm cầu, ông đồng ý bồi thường giá trị đất và cây trồng trên đất cho ông C. Nếu mở lối đi bên phía Tây thửa 110 thì ông đồng ý hoàn lại phần đất làm lối đi phía Đông thuộc thửa 110, còn phần đan và ống nước trên đất ông sẽ di dời.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T trình bày:*

Hộ ông đang đi trên con đường ngang 2m, dài 89m trên đất của ông Phạm Thành C thửa đất số 110, tờ bản đồ số 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00014 do Ủy ban nhân dân huyện GCĐ cấp ngày 30/12/1996 tọa lạc tại ấp DQ, xã PT, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang. Con đường này có rất lâu là đường đi chung của xóm ấp để đi đến lộ công cộng. Năm 1972 hộ của cha mẹ ông cũng đi trên con đường này, đến năm 2005 ông có gia đình có hộ riêng và ông cũng đi trên con đường này đến lộ. Năm 2002 gia đình ông có hỏi ông C đào đặt ống nước máy và đổ đan đường đi và bắt cầu bê tông qua kênh để vào nhà được ông C đồng ý cho nên ông đã làm. Nay ông C đòi lại đường đi không cho đi nửa nên ông không còn đường đi nào khác, nhiều lần ông hỏi mua con

đường này nhưng ông C không đồng ý bán. Nay ông yêu cầu được tiếp tục đi trên đường đi cũ ngang 2m dài 89m nằm trên thửa đất 110 của ông C, ông đồng ý bồi thường thiệt hại diện tích đường đi này cho ông C. Nếu ông C mở lối đi bên phía Tây thửa 110 thì ông đồng ý lối đi này và hoàn trả lại phần đất làm lối đi phía Đông thuộc thửa 110, còn phần đan và ống nước trên đất ông sẽ di dời.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Xuân L trình bày:*

Bà là cháu ruột của ông C do ông C đi làm ăn không có điều kiện canh tác đất nên trước đó anh ông C là ông Phạm Minh G canh tác, do sức khỏe yếu ông không canh tác nửa nên năm 2015 ông C cho bà trồng trọt để giữ đất cho ông khi cần thì ông C lấy lại, hiện nay bà đang trồng bắp tây, hộ ông Khởi xin mở lối đi là quyền quyết định của ông C, bà không có ý kiến gì về việc cho mở lối đi mà bà chỉ có ý kiến nếu ông C cho mở lối đi từ 01 m đến 1.5m thì không ảnh hưởng đến cây trồng của bà, nếu cho mở 02 m thì sẽ vào đất trồng của bà thì bà sẽ có yếu cầu bồi thường sau, Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Ngọc B, ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị Kim H, bà Đỗ Thị C, anh Nguyễn Khoa N trình bày:*

Con đường đi này các ông bà đi từ trước đến nay. Trên con đường này ông C cho hộ các ông bà đổ đan để đi và đặc ống nước máy vào nhà và bắc cầu bê tông qua kênh. Nay ông C nói hộ các ông bà lấn chiếm đất là sai sự thật nên các ông bà không đồng ý. Nay các ông bà xin giữ nguyên con đường đi ngang 02 m dài 89m diện tích 178m^2 nằm trên thửa đất của ông C số thửa 110, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.460m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00014 do Ủy ban nhân dân huyện GCĐ cấp ngày 30/12/1996 và đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông C trên diện tích đất đường đi này. Nếu ông C mở lối đi bên phía Tây thửa 110 thì các ông bà đồng ý lối đi này và hoàn trả lại phần đất làm lối đi phía Đông thuộc thửa 110, còn phần đan và ống nước trên đất các ông bà sẽ di dời.

Bản án sơ thẩm số 74/2018/ DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân GCĐ, tỉnh Tiền Giang quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành C.

Buộc hộ ông Nguyễn văn K có trách nhiệm trả lại ông Phạm Thành C phần đất diện tích 77.1m^2 thuộc thửa số 110, tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00014QSDĐ ngày 30/12/1996 do ông Phạm Thành C đứng tên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đất tọa lạc tại ấp DQ, xã PT, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

+ Đông giáp đất còn lại của thửa 110 và đất Lê Văn Hoàng A

+ Tây giáp đất còn lại của thửa 110

+ Nam giáp kênh

+ Bắc giáp đường liên ấp Dương Hòa – Dương Quới

(có sơ đồ kèm theo)

2.Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn K và yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Thanh T.

Buộc ông Phạm Thành C có trách nhiệm mở lối đi cho hộ ông Nguyễn Văn K và anh Nguyễn Thanh T ngang 1.5m (đầu cuối canh Nam ngang 3.59m), dài (cạnh

Đông 22.09m + 45.13 + 3.94m; cạnh Tây 22.09m + 44.47m), diện tích là 109.6m^2 thuộc thửa 110, tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00014QSDĐ ngày 30/12/1996 do ông Phạm Thành C đứng tên, lối đi tọa lạc tại ấp DQ, xã PT, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

+ Đông giáp đất còn lại của thửa 110

+ Tây giáp mương thoát nước

+ Nam giáp kênh

+ Bắc giáp đường liên ấp Dương Hòa – Dương Quới

(có sơ đồ kèm theo)

Việc mở lối đi được thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật và ông K, anh T được đổ bê tông trên lối đi được mở.

Ông Nguyễn Văn K và anh Nguyễn Thanh T có trách nhiệm đề bù cho ông Phạm Thành C số tiền 13.014.000 đồng (mười ba triệu không trăm mười bốn nghìn đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, nguyên đơn ông Phạm Thành C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Xuân L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố ông K và yêu cầu của ông T xin mở lối đi ngang 1.5m dài hết đất của ông. Yêu cầu ông K và ông T bồi thố quyền sử dụng đất mở lối đi như định giá, không yêu cầu bồi thố cây trên đất cho mở lối đi.

Tại phiên tòa ông C và bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Kính mong Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận phản tố ông K và ông T xin mở lối đi có chiều rộng 1.5m dài hết đất của ông, yêu cầu ông K và ông T bồi thố quyền sử dụng đất mở lối đi như định giá, không yêu cầu bồi thố cây trên đất cho mở lối đi.

Ông K và ông T không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông C và bà L. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án số 74/2018/DS-ST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa ông C và bà L không có bổ sung chứng cứ nào khác so với cấp sơ thẩm, yêu cầu kháng cáo của ông C và bà L là không có cơ sở, phần án phí dân sự sơ thẩm thì phía ông K, ông T phải chịu thêm 650.700 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa phần án phí bản án số 74/2018/DS-ST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện GC.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Ông C khởi kiện yêu cầu ông K trả lại phần đất mà ông đã cho ông K làm lối đi từ trước giờ còn ông K có đơn phản tố yêu cầu được mở lối đi vào phần đất của mình, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp "Đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu mở lối đi" là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiệ n của ông C, ông C có cho ông K sử dụng diện tích 77.1m^2 thuộc thửa số 110, tờ bản đồ số 03 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00014 ngày 30/12/1996 do ông C đứng tên. Ông C muốn lấy lại lối đi này và đồng ý mở một lối đi khác, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, tại phiên tòa ông K và ông T cũng đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông C đồng thời tự nguyện di dời phần đan và ống nước trên đất nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

Đối với yêu cầu của ông K và ông T yêu cầu được mở lối đi có chiều rộng 1.5m dài đến hết đất cuối cạnh Nam ngang 3.59m ở thửa 110, tờ bản đồ số 03 về phía Tây nhưng phía ông C chỉ đồng ý mở lối đi có chiều rộng 1.1m. Xét thấy yêu cầu của ông K và ông T là có căn cứ, bởi lẽ: các bên đã thống nhất về việc mở lối đi mới nhưng không thống nhất về chiều rộng mở lối đi. Hiện lối đi mới về phía Tây giáp mương thoát nước việc đi lại khó khăn dễ ngã và dễ va chạm nhau nên yêu cầu của ông K và ông T là hợp lý được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất, tại cấp sơ thẩm, ông C và bà L đồng ý cho mở lối đi có chiều rộng 1.1m và không yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cũng như bồi thường giá trị cây trồng trên đất nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc ông K và ông T bồi thường phần lối đi mở thêm có chiều rộng 0.4m với diện tích là 27m^2 tương đương với số tiền là 13.014.000 đồng là hợp lý. Án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành C. Buộc hộ ông Nguyễn văn K có trách nhiệm trả lại ông Phạm Thành C phần đất diện tích 77.1m^2 thuộc thửa số 110, tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00014QSDĐ ngày 30/12/1996 do ông Phạm Thành C đứng tên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, đất tọa lạc tại ấp DQ, xã PT, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn K và yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Thanh T. Buộc ông Phạm Thành C có trách nhiệm mở lối đi cho hộ ông Nguyễn Văn K và anh Nguyễn Thanh T chiều rộng 1.5m (đầu cuối cạnh Nam rộng 3.59m), dài (cạnh Đông 22.09m + 45.13 + 3.94m; cạnh Tây 22.09m + 44.47m), diện tích là 109.6m^2 thuộc thửa 110, tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00014QSDĐ ngày 30/12/1996 do ông Phạm Thành C đứng tên, lối đi tọa lạc tại ấp Dương Quới, xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Việc mở lối đi được thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật và ông K, anh T được đổ bê tông trên lối đi được mở. Ông Nguyễn Văn K và anh Nguyễn Thanh T có trách nhiệm đề bù cho ông Phạm Thành C số tiền 13.014.000 đồng (mười ba triệu không trăm mười bốn nghìn đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Thành C và bà Nguyễn Thị Xuân L là không có cơ sở.

3.Về án phí:

Yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Thành C và bà Nguyễn Thị Xuân L không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 thì ông Phạm Thành C và bà Nguyễn Thị Xuân L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trong phần quyết định của bản án sơ thẩm có tuyên buộc ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Thanh T phải hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho ông Phạm Thành C số tiền là 13.014.000 đồng nhưng không buộc ông K và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 13.014.000 đồng x 5% = 650.700 đồng là phù hợp với khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Thành C và bà Nguyễn Thị Xuân L, sửa phần án phí bản án sơ thẩm số 74/2018/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện GCĐ.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166, Điều 254, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Thành C và bà Nguyễn Thị Xuân L.

Sửa phần án phí bản án dân sự số 74/2018/DSST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện GCĐ.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành C.

Buộc hộ ông Nguyễn văn K có trách nhiệm trả lại ông Phạm Thành C phần đất diện tích 77.1m^2 thuộc thửa số 110, tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00014QSDĐ ngày 30/12/1996 do ông Phạm Thành C đứng tên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đất tọa lạc tại ấp DQ, xã PT, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

+ Đông giáp đất còn lại của thửa 110 và đất Lê Văn Hoàng A

+ Tây giáp đất còn lại của thửa 110

+ Nam giáp kênh

+ Bắc giáp đường liên ấp Dương Hòa – Dương Quới

(có sơ đồ kèm theo)

[2]. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn K và yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Thanh T.

Buộc ông Phạm Thành C có trách nhiệm mở lối đi cho hộ ông Nguyễn Văn K và anh Nguyễn Thanh T có chiều rộng 1.5m (đầu cuối canh Nam rộng 3.59m), chiều dài (cạnh Đông 22.09m + 45.13 + 3.94m; cạnh Tây 22.09m + 44.47m), diện tích là 109.6m^2 thuộc thửa 110, tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00014QSDĐ ngày 30/12/1996 do ông Phạm Thành C đứng tên, lối đi tọa lạc tại ấp DQ, xã PT, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

+ Đông giáp đất còn lại của thửa 110

+ Tây giáp mương thoát nước

+ Nam giáp kênh

+ Bắc giáp đường liên ấp Dương Hòa – Dương Quới

(có sơ đồ kèm theo)

Việc mở lối đi được thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật và ông K, anh T được đổ bê tông trên lối đi được mở.

Ông Nguyễn Văn K và anh Nguyễn Thanh T có trách nhiệm đề bù cho ông Phạm Thành C số tiền 13.014.000 đồng (mười ba triệu không trăm mười bốn nghìn đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí:

- Ông C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 701.000 đồng theo biên lai thu số 45274 ngày 24/10/2017 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 45824 ngày 01/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GCĐ. Vậy hoàn lại cho ông C 401.000 đồng.

- Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng theo biên lai thu số 45823 ngày 01/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GCĐ. Như vậy, xem như bà L đã nộp xong phần án phí.

- Ông K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng theo biên lai thu số 45336 ngày 22/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GCĐ.

- Hoàn lại ông T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu số 45337 ngày 22/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GCĐ.

- Ông K và ông T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 650.700 đồng.

Bản án dân sự phúc có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 8 giờ ngày 11/10/2018 có mặt của bà L, ông K, ông T.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND GCĐ;
- CCTHADS GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Sâm Hương

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Tp. Mỹ Tho;
- CCTHADS Tp. Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Hoàng Khải